

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 127/2025/DS-PT
Ngày: 26/02/2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Mai Thị Đào Quyên
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 25 và 26 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 452/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980;

Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: H P, phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông L, bà L1: chị Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1991.

Địa chỉ: 4 T, Khu phố G, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28/02/2024)

- **Bị đơn:**

Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1962 (chết ngày 12/6/2021).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Công D:

Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1963.

Nguyễn Công S, sinh năm 1981.

Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1983.

Nguyễn Quý N1, sinh năm 2003.

Nguyễn Thị C, sinh năm 1937.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bà **Nguyễn Thị Kim N**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Ngọc P trình bày:**

Do cần tiền, ngày 13/3/2021, ông Nguyễn Công D và bà Nguyễn Thị Kim N2 có hỏi vay của ông L, bà L1 số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 2%/ tháng, thời hạn vay thỏa thuận miệng là 01 tháng. Để đảm bảo cho Hợp đồng vay tài sản, ông D và bà N đã ký Hợp đồng ủy quyền toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 451, tờ bản đồ số 9, địa chỉ thửa đất: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà L1, ông L và đưa ông bà cất giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 221968, số vào sổ cấp GCN: CH00104 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/11/2011.

Đến ngày 13/4/2021, ông D và bà N không tiến hành trả số tiền vay và lãi suất theo thỏa thuận cho ông L, bà L1. Nên ông L, bà L1 có đến nhà ông D, bà N để đòi tiền. Ngày 28/4/2021, bà N có ký giấy cam kết sẽ trả cho ông L, bà L1 toàn bộ số tiền vay là 700.000.000 đồng cùng số tiền lãi suất là 28.000.000 đồng vào ngày 13/5/2021.

Tuy nhiên, đến nay, ông D và bà N vẫn chưa trả cho ông L, bà L1 số tiền nào. Đối với Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 451, tờ bản đồ số 9, địa chỉ thửa đất ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang đã đăng ký biến động và sang tên Nguyễn Văn L. Hiện tại, ông Nguyễn Công D đã chết.

Nay ông L, bà L1 làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N cùng hàng thừa kế của ông Nguyễn Công D là bà Nguyễn Thị Kim N; anh Nguyễn Công S, anh Nguyễn Hoàng T và anh Nguyễn Quý N1, bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do ông Nguyễn Công D chết để lại là phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông L, bà L1 số tiền nợ 700.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định pháp luật là 1,66%/ tháng, tính từ ngày 13/3/2021 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử (Tạm tính đến ngày 13/3/2024) là 700.00.000 đồng x 1,66% x 36 tháng 418.320.000 đồng. Tổng số tiền bà N, anh S, anh T, anh N1 và bà C có nghĩa vụ trả cho ông L, bà L1 là 1.118.320.000 đồng (Một

tỷ một trăm mười tám triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông L, bà L1 đồng ý chuyển nhượng lại phần đất thuộc thửa đất số 451, tờ bản đồ số 9, địa chỉ thửa đất: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho bà Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Công S, anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Quý N1 và bà Nguyễn Thị C nêu trả tiền cho bà L1.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Công D là vợ chồng, có 03 người con là anh Nguyễn Công S, anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Quý N1. Ông Nguyễn Công D có mẹ ruột là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1937, hiện còn sinh sống tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cha ruột của ông D là ông Nguyễn Văn C1 đã chết từ lâu. Bà cam kết ngoài những người thuộc hàng thừa kế nêu trên, ông D không có người con nào khác, không có vợ nào khác.

Bà và ông D không quen biết gì với bà Nguyễn Thị Kim L1, cũng không phát sinh giao dịch gì đối với bà Kim L1.

Trước đây bà và ông D có vay tiền của bà T2 với số tiền 240.000.000 đồng (04 lần nhận tiền thực tế là chỉ 200.000.000 đồng nhưng bà T2 kê trong biên nhận là tổng 240.000.000 đồng) thông qua sự giới thiệu của Trần Thị Diệu T1 và bà Hồ Thị Kim L2. Những lần thực nhận tiền đều không có ký tên biên nhận tiền gì cả.

Khi vay tiền, bà T2 có yêu cầu vợ chồng bà N thế chấp quyền sử dụng đất nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp tại Ngân hàng nên bà T2 dẫn bà và ông D cùng bà T1, bà L2 đến Ngân hàng trả tiền lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra đưa cho bà T2. Vài ngày sau, bà T2, bà T1 kêu bà N đi công chuyện. Sau khi lên xe, bà T1 tháo sim điện thoại của bà và cùng bà T2 đưa đi đâu bà không rõ và yêu cầu bà viết, ký tên vào giấy tờ gì đó bà cũng không rõ, do bà không biết chữ.

Khoảng vài tháng sau thì bà L1 đến nhà đòi tiền thì vợ chồng bà N mới bất ngờ và biết bà T2 lấy giấy đất của gia đình để vay tiền của bà L1. Bà xác định không có vay tiền gì của bà L1, chỉ phát sinh giao dịch với bà T2 mà thôi.

Bà thừa nhận chữ ký trong giấy cam kết ngày 28/4/2021 là chữ ký của bà. Do khi bà L1 đến nhà đòi tiền và biết được vợ chồng bà N, ông D bị bà T2 lừa nên đã yêu cầu bà N ký cam kết và hứa hẹn sẽ gặp bà T2 để đòi tiền, không liên hệ đòi tiền gia đình bà nữa. Do bà không biết chữ nên không rõ nội dung trong giấy cam kết là gì.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ, bà không đồng ý trả do không nợ nần gì bà L1.

Hiện nay biên nhận nợ giữa vợ chồng bà N, ông D với bà T2 đối với số tiền 240.000.000 đồng đã thất lạc, do ông D là người giữ biên nhận nhưng ông D đã chết nên không rõ đang lưu giữ ở đâu. Nợ này là nợ của bà và ông D, các con của tôi bà không biết. Khi ông D chết và phát sinh vụ kiện thì các con mới biết.

Nguồn gốc phần đất gia đình bà đang ở là do bà C tặng cho gia đình ông D. Do khi ông D chết bà C không được hưởng phần di sản nào của ông D nên nay bà đề nghị loại trừ bà C khỏi nghĩa vụ trả nợ do bà C không có liên quan gì, cũng đã lớn tuổi.

*** Bị đơn Anh Nguyễn Công S trình bày:**

Anh thống nhất lời trình bày của mẹ anh, do cha mẹ anh bị lừa chứ không vay tiền gì của bà L1, thực tế cũng không nhận số tiền gì khác ngoài số tiền 240.000.000 đồng từ bà T2. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ, anh không đồng ý trả do gia đình không nợ nần gì bà L1.

*** Bị đơn Anh Nguyễn Quý N1 trình bày:**

Anh thống nhất lời trình bày của mẹ anh, do cha mẹ anh bị lừa chứ không vay tiền gì của bà L1, thực tế cũng không nhận số tiền gì khác ngoài số tiền 240.000.000 đồng từ bà T2. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ, anh không đồng ý trả do gia đình không nợ nần gì bà L1.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

Đại diện theo ủy quyền của ông L, bà L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Kim N cùng người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông D phải trả cho ông bà trả số tiền vốn 700.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất là tạm tính từ tháng 13/3/2021 đến ngày xét xử là 1,66%/tháng = 42 tháng = 488.040.000 đồng. Tổng cộng vốn là lãi 1.188.040.000 đồng. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 tự nguyện vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 13/3/2021 tại Văn phòng C2 (số C, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD) và vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/11/2021 tại Văn phòng C2 (số D, quyển số 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD) và làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho gia đình bà N.

*** Bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:** Bà không có vay tiền của bà Kim L1 mà chỉ vay tiền của bà Kim T2. Bà vay số tiền 240.000.000 đồng, nhưng thực tế chỉ có nhận số tiền là 200.000.000 đồng có viết biên nhận nợ cho bà T2. Nay bà chỉ đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà T2.

*** Anh Nguyễn Hoàng T trình bày:** Thống nhất lời trình bày của mẹ anh là bà N, vay tiền bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

*** Anh Nguyễn Công S trình bày:** Việc vay mượn tiền giữa mẹ anh và bà L1 hay bà T2 anh hoàn toàn không biết và cũng không có chứng kiến, không biết việc giao nhận tiền như thế nào. Theo mẹ anh là bà N nói lại thì qua giới thiệu bà N, ông D gặp bà T2 để vay tiền, rồi bà T2 không trả tiền cho bà L1 nên bà L1 yêu cầu mẹ anh viết cam kết trả tiền vì bà L1 đang giữ sổ đỏ của mẹ anh. Mọi giao dịch tiền bạc bà N nhận từ bà T2 chứ không phải bà L1. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh không đồng ý vì gia đình anh không có vay tiền của bà L1, ông L.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 452/2024/DSST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Kim N cùng người kế thừa quyền và nghĩa vụ ông Nguyễn Công D: bà Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Công S, anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Quý N1, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền vốn lãi 1.188.040.000 đồng (một tỷ một trăm tám mươi tám triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Công D chỉ chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 trong phạm vi di sản thừa kế do ông Nguyễn Công D để lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2025, bị đơn Nguyễn Thị Kim N có đơn kháng cáo với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, đề nghị xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Kim L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 là bà Nguyễn Ngọc P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N và người thừa kế của ông Nguyễn Công D trả cho nguyên đơn số tiền 1.188.040.000 đồng cả vốn và lãi.

Người kháng cáo bà Nguyễn Thị Kim N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên đối với lãi suất 1,66% là chưa phù hợp bởi lẽ không có tài liệu nào thể hiện hai bên có thỏa thuận mức lãi 2% trên tháng và phía bị đơn không hề thừa nhận có thỏa thuận vay tiền của nguyên đơn nên phải áp dụng mức lãi suất 0,83% mới phù hợp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận

một phần yêu cầu kháng cáo, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 452/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N và người thừa kế của ông Nguyễn Công D trả cho bà 1.188.040.000 đồng cả vốn và lãi nên án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N và người thừa kế của ông Nguyễn Công D là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N là đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo hợp đồng ủy quyền ngày 13/3/2021 của Văn phòng C2 thể hiện ông Nguyễn Công D và bà Nguyễn Thị Kim N ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L1 toàn quyền định đoạt Quyền sử dụng đất thuộc thửa 451 tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp H xã H huyện C tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00104 do UBND huyện C cấp ngày 01/11/2011 (bút lục 13).

Theo giấy cam kết ngày 28/4/2021 của ông Nguyễn Công D và bà Nguyễn Thị Kim N thể hiện nội dung “Vào ngày 13/5/2021 sẽ hoàn trả lại số tiền đã vay là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng) cùng với 28.000.000 đồng (hai mươi tám triệu đồng) tiền lãi đã thỏa thuận. Nếu đến ngày 13/5/2021 mà vợ chồng tôi không hoàn trả đầy đủ số tiền đã vay và lãi là 728.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi tám triệu đồng) thì gia đình tôi sẽ dọn ra khỏi nhà và đất để cô Nguyễn Thị Kim L1 thực hiện việc mua bán nhà và đất theo hợp đồng ủy quyền ngày mà vợ chồng tôi đã ký vào ngày 13/3/2021 tại Văn phòng C2...” (bút lục 14).

Theo trích lục khai tử số 826/TLKT-BS ngày 21/12/2021 của UBND xã H thì ông Nguyễn Công D chết ngày 12/6/2021 (bút lục 62).

Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Công D và bà Nguyễn Thị Kim N do bà Nguyễn Thị Kim L1 là đại diện theo ủy quyền ký kết với ông Nguyễn Văn L đối với thửa 451 tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp H xã H huyện C tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00104 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/11/2011 được thực hiện vào ngày 18/11/2021

(bút lục 11). Trên cơ sở Hợp đồng này ông Nguyễn Văn L được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS 25687 do sở T3 cấp ngày 02/12/2011 (bút lục 13).

Từ các chi tiết trên nhận thấy, việc bà N cho rằng vợ chồng bà không hề biết bà L1, cũng không phát sinh giao dịch gì đối với bà L1 là không có căn cứ vì trong bản cam kết thể hiện rõ nội dung trả tiền vay cả gốc và lãi đều phù hợp với nhau. Đến ngày 12/6/2021, ông D chết nên giấy ủy quyền của ông D cho bà L1 đương nhiên hết hiệu lực pháp luật theo Điều 135, điểm đ khoản Điều 140 Bộ luật dân sự. Nhưng đến ngày 18/11/2021, bà L1 vẫn căn cứ giấy ủy quyền đã hết hiệu lực để làm thủ tục sang tên thửa 451 tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00104 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/11/2011 là không có căn cứ pháp luật nên vô hiệu. Do đó cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N và người thừa kế của ông D trả vốn vay và lãi là có căn cứ. Bà N kháng cáo là không có căn cứ nên bác.

Về lãi xuất, xét thấy bà N không thừa nhận việc có vay tiền và thỏa thuận lãi suất 2% với bà L1, ông L. Trong các tài liệu do nguyên đơn cung cấp cũng không hề có thông tin nào thể hiện hai bên có thỏa thuận lãi suất 2%. Do đó lãi suất trong trường hợp này phải áp dụng theo khoản 2 Điều 468 BLDS là 0,83% mới phù hợp. Cụ thể là từ tháng 3/2021 đến ngày xét xử tháng 02/2025 là 47 tháng thành tiền 273.070.000 đồng ($700.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 47 \text{ tháng}$). Tổng số tiền vốn lãi là 973.070.000 đồng ($700.000.000 \text{ đồng} + 273.070.000 \text{ đồng}$).

Xét số nợ trên là nợ chung của vợ chồng bà N, ông D. Ông D đã chết vào ngày 12/6/2021. Theo quy định pháp luật thì những người thừa kế của ông D chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi di sản của ông D để lại. Do đó cần tuyên buộc bà N liên đới cùng các thừa kế của ông D gồm anh Nguyễn Công S, anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Quý N1, bà Nguyễn Thị C phải trả cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 973.070.000 đồng. Trong đó các anh Nguyễn Công S, anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Quý N1, bà Nguyễn Thị C chỉ chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 trong phạm vi di sản thừa kế do ông Nguyễn Công D để lại.

Về án phí sơ thẩm các bị đơn phải chịu là 41.192.000 đồng nên mỗi người phải nộp 8.238.400 đồng. Bà N, bà C là người cao tuổi nên được miễn.

Về tố tụng: Trong đơn kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đồng ý tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Công D và bà Nguyễn Thị Kim N do bà Nguyễn Thị Kim L1 đại diện theo ủy quyền với ông Nguyễn Văn L đối với thửa 451, tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00104 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/11/2011 nhưng cấp sơ thẩm không tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là vô hiệu, để cơ quan có thẩm quyền xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L, dẫn đến tình trạng đã tuyên bà N và người thừa kế của ông D trả tiền cho vợ chồng ông L bà L1 nhưng đất của gia đình bà N lại vẫn do ông L đứng tên là thiếu sót, cần sửa án cho phù hợp.

Từ các tình tiết, chứng cứ như trên, nhận thấy cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn đối với phần vốn gốc là có căn cứ. Bà N kháng cáo là có căn cứ một phần đối với phần lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim N không phải chịu án phí phúc thẩm vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 466; Điều 468 BLDS 2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim N, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 452/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Kim L1.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim N liên đới cùng anh Nguyễn Công S, anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Quý N1, bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền 973.070.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. anh Nguyễn Công S, anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Quý N1, bà Nguyễn Thị C chỉ chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 trong phạm vi di sản thừa kế do ông Nguyễn Công D để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Công D và bà Nguyễn Thị Kim N do bà Nguyễn Thị Kim L1 đại diện theo ủy quyền với ông Nguyễn Văn L đối với thửa 451, tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp H xã H huyện C tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00104 do UBND huyện C cấp ngày 01/11/2011 được công chứng ngày 18/11/2021 là vô hiệu. Bà Nguyễn Thị Kim N được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 451, tờ bản đồ số 9 tọa lạc ấp H xã H huyện C tỉnh Tiền Giang nói trên theo quy định.

3. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Kim N được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Bà Nguyễn Thị Kim N, bà Nguyễn Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các anh Nguyễn Công S, anh Nguyễn Hoàng T, anh Nguyễn Quý N1 mỗi người phải chịu 8.238.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 phải chịu 13.653.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho phần lãi bị bác (273.070.000 đồng X 5%), được trừ vào 23.074.800 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007549 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị Kim L1 được hoàn lại 9.421.300 đồng còn dư.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 08 giờ ngày 26 tháng 02 năm 2025 vắng mặt các đương sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- CC THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Vân